

## CHƯƠNG THỨ NHÌ TRỊ CÁC LOẠI BỆNH Sex NAM, NỮ

**Phụ lục 2, trị thận âm hư, Dbc-Cbk, lãnh cảm, hiếm muộn.**

- A.- Lục vị địa hoàng hoàn
- B.- Tri bách bát vị hoàn
- C.-Kỷ cúc địa hoàng hoàn
- D.-Đô khí hoàn
- E.-Bát tiên trường thọ xuân

### **A. Lục-vị địa hoàng hoàn**

#### **1. Xuất xứ**

Trong sách *Tiểu nhi dược chứng trâm quyết* của Tiêu Ất đời Tống Trung-quốc (Thế kỷ 12-13).

#### **2. Thành phần**

**Lục vị địa hoàng hoàn**

*Đơn bì 3 lượng.*

*Phục linh 3 lượng.*

*Sơn dược 4 lượng.*

*Sơn thù du 4 lượng.*

*Thục địa hoàng. 8 lượng.*

*Trạch tả 3 lượng.*

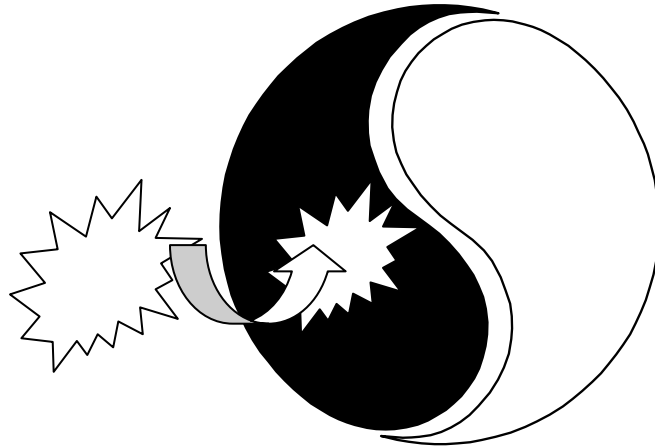
#### **3. Dụng pháp**

Tán nhỏ chế thành viên, thành tế. Viên lớn nhỏ tùy ý. Uống với nước nóng vào lúc đói. Gân đây chế thành viên 9 g. Uống ngày hai lần, mỗi lần 9 g. Có thể tới 36 g mỗi ngày, nếu bệnh nặng. Có thể dùng dưới hình thức thang thuốc sắc lên uống, gọi là *Lục-vị địa hoàng thang*.

#### **4. Công dụng**

*Tư âm bổ thận (Thêm âm vào thận).*

*Biểu hình thận âm hư (khuyết một miếng), cần dùng Lục-vị để bổ âm*



### 5. Chủ trị

- Thận âm hư. Đưa đến tinh thần thất thường,
- Thần kinh suy nhược.
- Hư hỏa bốc lên : Miệng khô, hầu khô, tiện khô kết.
- Tai kêu, tai điếc.
- Chóng mặt, nhức đầu, huyết áp cao (HTA).
- Mồ hôi trộm.
- Đái đường do thận âm hư.
- Di tinh, mộng tinh.
- Bần tinh (Oligospermic), bất lực.
- Răng lung lay, không bóng, đau.
- Trí nhớ giảm thoái.
- Xương yếu, mục.
- Thị lực yếu, đau ngang lưng.

### 6. Phân tích dược lý

Trong 6 vị thuốc thì :

- Ba vị hàn là Trạch tả, Đơn bì, Sơn thù du.
- Hai vị bình là Sơn dước, Phục linh.
- Một vị hơi ôn là Thục địa hoàng.

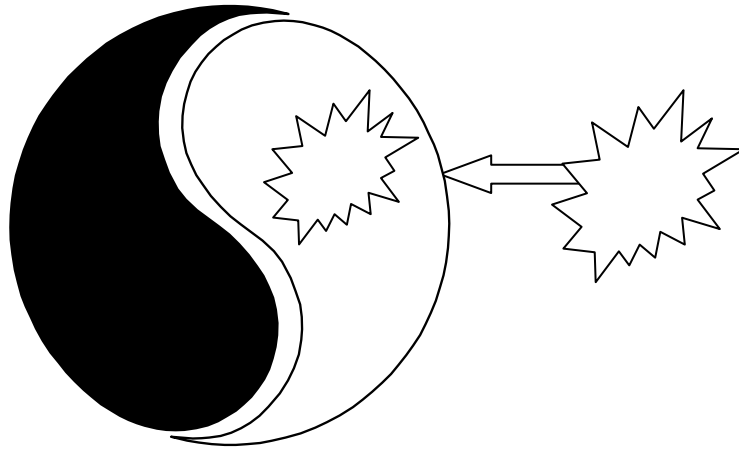
Như vậy tính chất chung là hàn lãnh. Bản dước còn dùng để bổ tâm huyết và can huyết nữa.

## 7. Cấm kỵ

- Những người khí hư, dương hư, tỳ vị hư hàn không nên dùng.
- Trong khi bị bệnh nhiễm trùng, cảm mạo không nên dùng, bởi vì *bổ luôn ngoại tà*, khó trị...

*Biểu hình thận dương hư,*

*không nên dùng Lục-vị, vì âm đã nhiều hơn dương, còn thêm âm vào thì dương càng bị áp chế.*



## B. Tri bách bát vị hoàn

*Lục-vị địa hoàng hoàn, thêm :*

*Tri mẫu 2 lạng.*

*Hoàng-bách 2 lạng.*

### 1. Dụng pháp, công dụng, chủ trị

Như *Lục-vị địa hoàng hoàn*. Nhưng *Tri-bách bát vị hoàn* dùng trong trường hợp nặng hơn, bởi có thêm hai vị Tri-Bách (Tri mẫu, Hoàng bách) tính chất là khổ hàn, tả hỏa rất mạnh.

### 2. Xuất xứ

Trong sách *Y tông kim giám* của Ngô Khiêm đời Thanh, Trung-quốc ( Thế kỷ thứ 18 ).

## **C. Kỷ cúc-địa hoàng hoàn**

*Lục-vị địa hoàng hoàn*, thêm :

*Cam kỷ tử 2.5 lượng.*

*Cúc hoa 2 lượng.*

### **1. Dụng pháp, công dụng, chủ trị**

Như *Lục-vị địa hoàng hoàn*, nhưng dùng trong trường hợp bệnh kinh niên, bệnh nặng. Bởi can âm, thận âm cùng hỗ tương tư dưỡng cho nhau. Khi thận âm hư đưa đến can âm hư. Ngược lại can âm hư lâu đưa đến thận âm hư...Đặc biệt can-thận âm hư chứng trạng giống như thận âm ở trên, nhưng còn thêm :

- Mắt nhìn vật không rõ.
- Mắt khô đau.
- Phụ nữ can thận âm hư kinh nguyệt không đều, thống kinh, không thụ thai đều phải dùng đến.

### **2. Xuất xứ**

Trích trong sách Y-cấp .

## **D. Đô khí hoàn**

Như *Lục-vị địa hoàng hoàn*, thêm :

*Ngũ-vị-tử 3 lượng.*

### **1. Dụng pháp, công dụng, chủ trị**

Giống như *Lục-vị địa hoàng hoàn*. Khi thận âm hư lâu ngày đưa đến phế âm hư. Cho nên có những triệu chứng như thận âm hư, còn có thêm các chứng :

- Ho suyễn, nghẹt thở.
- Mắt đỏ.
- Nấc cục.

Phải dùng bản dược.

### **2. Xuất xứ**

Trích trong sách *Y tông kỹ nghiệm thiên* .

## ***E. Bát tiên trường thọ hoàn***

Như *Lục-vị địa hoàng hoàn*, thêm :

*Ngũ vị tử 3 lượng .  
Thiên đông 3 lượng.*

### ***1. Dụng pháp, công dụng, chủ trị***

Giống *Lục-vị địa hoàng hoàn* và *Đô-khí-hoàn* nhưng :

- Dùng trong trường hợp nặng hơn.
- Những người già bị thận hư thường dùng bản dược để trị.

### ***2. Xuất xứ***

Trích trong sách *Y-cấp* .

## ***F. Tổng luận***

Trên đây trình bày 5 loại thuốc *bổ thận âm*. Nhưng khi thận âm hư thường kéo theo phế-âm, can-âm hư v.v. nên *Lục-vị địa hoàng hoàn* đã được biến chế. Khi thấy có những triệu chứng thận âm hư. Ở phần chủ trị của *Lục-vị địa hoàng hoàn* ( Chỉ cần 3-4 triệu chứng cũng đủ ).

- Dùng *Lục-vị địa hoàng hoàn*.
- Thấy mắt ngủ nhiều quá, người nóng nảy quá dùng *Tri-bách bát vị hoàn*.
- Thấy thêm mắt nhìn không rõ, lại thêm mắt khô ngứa sưng, thì dùng *Kỷ-cúc địa hoàng hoàn*.
- Thấy cũng những triệu chứng trên, nhưng thêm ho suyễn, nấc cục v.v. thì dùng *Đô-khí hoàn*.

Trong trường hợp không có thuốc, dù bị chứng nào chẳng nữa, dùng một trong 5 loại thuốc trên cũng có kết quả, nhưng không tuyệt đối. Như bệnh phải dùng *Kỷ-cúc địa hoàng hoàn*, nhưng dùng *Lục-vị địa hoàng hoàn* cũng không hại gì, kết quả cũng gần như dùng chính dược.

**Phụ lục 3: Trị thận dương hư, Dbc-Cbk, lãnh cảm, hiếm muộn**

**Kim quĩ thận khí hoàn**  
(*Quế phụ địa hoàng hoàn*)

**1. Xuất xứ**

Trích trong sách *Kim quĩ yếu lược* của Trương Trọng-Cảnh, 219 sau Tây lịch (Trung-quốc)

**2. Thành phần**

**Kim quĩ thận khí hoàn**

Thục địa hoàng 8 lượng.

Đơn bì 3 lượng.

Trạch tả 3 lượng.

Quế chi 1 lượng.

Sơn dưc 4 lượng.

Sơn thù du 4 lượng.

Phụ tử 3 lượng.

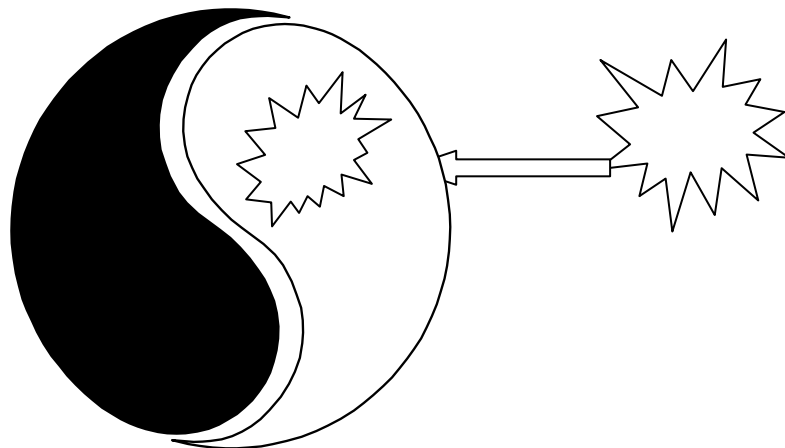
**3. Dụng pháp**

Nghiền nhỏ chế thành viên, cỡ lớn nhỏ tùy ý. Uống với nước ấm khi đói, gần đây thường chế thành viên nặng 9 g hoặc 4.5 g. Mỗi ngày uống hai lần ; mỗi lần 9g.

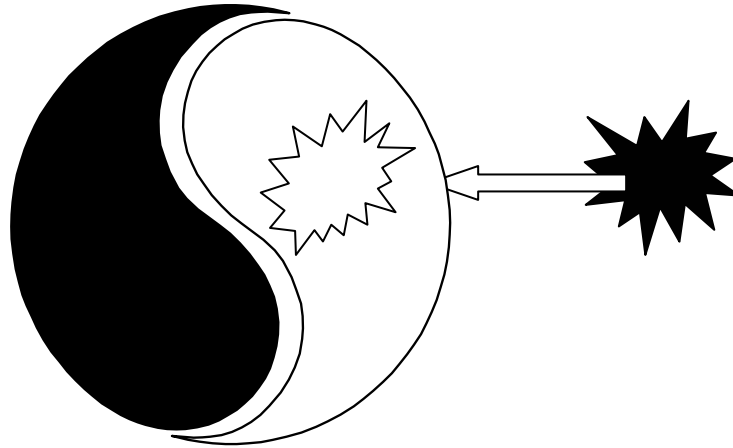
**4. Công dụng**

Bổ ích thận dương.

Biểu hình thận dương hư (khuyết một miếng), dùng Kim-quĩ là dương dưc để bồi bổ.



*Biểu hình dưới thận dương hư,  
không nên bổ âm.*



### 5. Chủ trị

- Lưng và sống lưng đau.
- Đùi, gối, cẳng chân đau buồn.
- Tai kêu, tai điếc. Tóc rụng, khô héo.
- Bất lực phù thũng.
- Sợ lạnh.
- Chân tay lạnh.
- Hay đói đêm.
- Tự ra mồ hôi.
- Tả lỏng (tiêu chảy).
- Tinh thần mệt mỏi.
- Thở yếu, nói mệt.

### 6. Phân tích dược lý

Đây là *Lục vị địa hoàng hoàn* gồm những tính chất bổ thận như ghi ở phụ lục 1, phần A, nhưng thêm hai vị. *Quế chi, Phụ tử* là hai vị đại nhiệt bổ dương khí cực kỳ mạnh, đang là thuốc bổ âm thành thuốc bổ dương.

Bởi theo thuyết âm dương thì Âm là vật chất dương là khí. Bởi vậy mới nói Âm chủ động lại, dương chủ linh hoạt tức là Dương qui vu âm. Muốn bổ dương trước hết bổ âm, làm vật chất để giữ dương lại, sau đó dùng các vị bổ dương. Bản dược ý nghĩa như trên. *Phụ tử, Quế chi* là hai vị để bổ dương (*Tỳ, Thận, Phế, Tâm*) quá mạnh, không nên cho hai vị này nhiều quá, nguy hiểm.

**Phụ lục 4: Trị di mộng tinh, lãn cảm, hiếm muộn, kinh nguyệt không đều.**

**Bí tinh hoàn**

**1. Xuất xứ.**

Trong sách *Tế sinh phương*.

**2. Thành phần**

**Bí tinh hoàn**

Thỏ ty tử 2 lượng.

Gia phi tử 2 lượng.

Mẫu lệ 2 lượng.

Long cốt 2 lượng.

Tang phiêu diêu 3 lượng.

Bạch thạch chỉ 3 lượng.

Bạch phục linh 2 lượng.

Ngũ vị tử 3 lượng.

**3. Công dụng**

Trị di mộng tinh. Bỏ thận cố nhiếp.

**4. Chủ trị**

Do cao niên thận khí hư suy, chóng mặt, răng yếu, lưng đau, tai điếc. Do thừa thớ ấu ăn uống thiếu dinh dưỡng, thận hư suy, do bệnh lâu thận khí hư...Đưa đến di mộng tinh, tinh khí hư, bất lực.

**5. Dụng pháp**

Nghiền thành bột, có thể pha thêm mật ong vừa đủ hoặc đường phèn để chế viên hoặc tễ. Mỗi viên nặng 3-9 g.

- Người lớn ngày uống hai lần, mỗi lần một viên lớn 9g vào lúc đói .
- Trẻ nhỏ ngày uống một lần với nước ấm, 1 viên nhỏ 3g.
- Tuổi trưởng thành (14-17) ngày uống 2 lần, mỗi lần hai viên nhỏ.

## 6. Phân tích dược lý

Có 8 vị thì các vị sau đều có tính chất bổ thận, cố tinh rất mạnh : *Tang-phiêu diêu, Long-cốt, Gia phi tử, Bạch thạch chỉ, Ngũ-vi-tử*. Các vị này trị di tinh và đi tiểu vật.

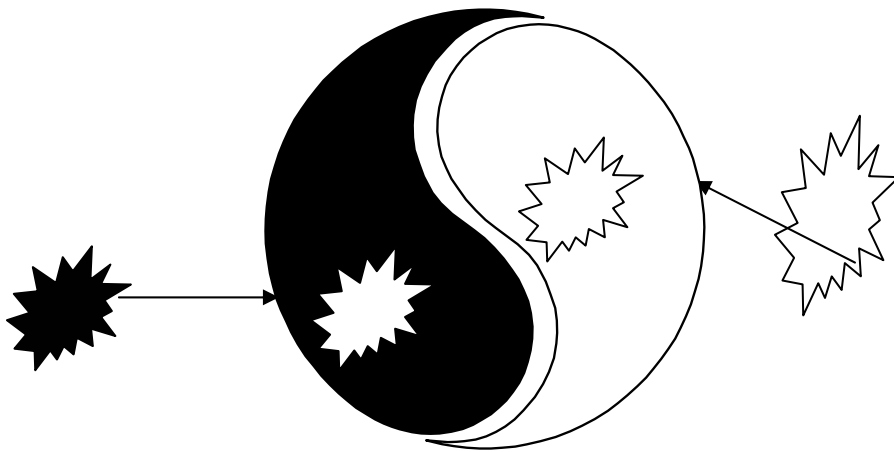
*Mẫu lệ* để bổ âm, hạ hư hỏa,  
*Phục linh* để bổ tỳ.

Như vậy đây là một loại dược để trị di mộng tinh nặng nhất. Di mộng tinh có nhiều loại, nhưng các loại *do âm hư hỏa vượng* thì dùng bản dược. Vì tính chất co rút giữ tinh lại cho chắc, nên tuyệt đối cấm dùng trong trường hợp thấp nhiệt. Nếu bị thấp nhiệt mà dùng thuốc này thì thấp nhiệt bị giữ lại trong cơ thể rất nguy hiểm ( *Đa số thấp nhiệt là bệnh nhiễm trùng*).

## 7. Tổng kết

Bản dược trị di tinh. Di tinh có nhiều loại, nhưng loại nặng nhất vẫn là : Do người lớn tuổi, do thuở thơ ấu thiếu dinh dưỡng và do bệnh lâu. Tuy nhiên đây là loại bổ thận, mà bổ rất mạnh, cho nên bệnh nặng hãy dùng. Bản dược trị chứng thận hư :

- Khi cả thận âm và dương đều hư,
- Già thì vôi đá,
- Đá đêm đau lưng,
- Trí nhớ giảm thoái,
- Tuổi trẻ thì di tinh, tinh xuất sớm, bất lực.
- Trẻ nhỏ thì đá dầm, chậm lớn, xương yếu, trí nhớ chậm phát.



*Biểu hình: Vì thời thơ ấu suy dinh dưỡng, hay vì lý do bệnh nhiều, hay do cao niên, khiến thận âm-dương đều hư. Phải dùng dược vừa bổ âm lẫn dương.*

**Phụ lục 5: Trị tảo tiết (xuất tinh sớm), lãnh cảm, kinh kỳ quá dài.**

## ***Kim tảo cố tinh hoàn***

### ***1. Xuất xứ***

Trích trong sách *Y phượng tập giải* .

### ***2. Thành phần***

#### ***Kim tảo cố tinh hoàn***

*Sa-uyễn tật lê 2 lượng.*

*Khiếm thực 2 lượng.*

*Liên-tử 2 lượng.*

*Long cốt 1 lượng.*

*Mẫu lệ 1 lượng.*

### ***3. Dụng pháp***

- Tán nhuyễn, chế thành viên nhỏ.
- Mỗi lần uống 10 g, ngày uống 2 lần với nước ấm vào lúc đói. Gắn dây dùng với hình thức thang thuốc uống.

### ***4. Công dụng***

Thu sáp cố tinh ( Làm cho tinh khí giữ lại được, lắ m cho tinh khí chắc chắn không bị mất dễ dàng).

### ***5. Chủ trị***

- Cửa của thận không chắc chắn, di tinh,
- Tai kêu lừng đau.
- Tứ chi không lực.

## 6. Phân tích dược lý

Thang thuốc lấy *Sa-uyễn tật lê* để bổ thận, ích tinh, để trị tinh khí suy hư. *Long-cốt*, *Mẫu-lê* để làm cho dương ươn và làm cho tinh chắc chắn. *Liên-tử* để thanh tâm định thần, *Khiếm-thực* dùng để kiên tỳ sáp tinh, *Liên-tử* cũng dùng để sáp tinh. Hợp lại là một loại dược vật để :

- Bổ thận âm hư,
- Làm giảm hư nhiệt,
- Giữ tinh cho chắc và thêm tinh.

Tóm lại bản dược để trị di tinh.

Di tinh như phần trên trình bày, nguyên nhân thực nhiều : Bởi Can và Thận liên quan mật thiết. Khi thận âm hư thì can âm cũng hư. Bởi vậy thận âm hư thì can dương bốc lên. Thận tàng tinh , can chủ sơ tiết, cho nên thận âm hư đưa đến tinh không chắc chắn, hoạt tinh, can hỏa đưa đến tiết tính mạnh. Đa số mộng mà di tinh do hỏa nội thịnh (Hư hỏa). Không mộng mà di tinh đa số thuộc thận quan không chắc, tâm thần bất giao. Loại bệnh trên khi trị phải « *Thêm âm giáng hỏa* », loại sau trị phải giữ tinh lại. Khi bệnh thuộc thấp nhiệt hạ chú vào tính chất di tinh tuyệt đối cấm dùng. Bởi thấp nhiệt cần làm tiết thấp ra, mà nay dùng bản dược giữ cho tinh quan chắc chắn, thu giữ lại thì thấp nhiệt ứ đọng trong người. Nhân bản dược bổ dưỡng, sẽ bổ luôn « *Thấp nhiệt* » bệnh thêm nặng. Thấp nhiệt đối với Tây y 80% là nhiễm trùng. Vậy nhiễm trùng cấm dùng.

**Phụ lục 6: Trị Dbc-Cbk, tóc rụng. Nam, nữ tiểu vật. Nữ lãnh cảm.**

## **Hữu quy ẩm**

### **1. Xuất xứ**

Trong *Cảnh Ngạc toàn thư*.

### **2. Thành phần**

#### **Hữu quy ẩm**

Thực địa từ 2.3 tiền tới 1.2 lượng.

Sơn dược 2 tiền.

Cam kỷ tử 2 tiền.

Sơn thù nhục 1 tiền.

Cam thảo 1-2 tiền.

Nhục quế 1-2 tiền.

Chế phụ tử 1-3 tiền.

### **3. Dụng pháp**

Sắc với 1 lít nước, khi còn 1/4lít thì gạn ra uống lúc còn nóng.

### **4. Công dụng**

Ôn bổ thận dương. ( Làm nóng và bổ thận ).

### **5. Chủ trị**

Thận dương hư suy đưa đến :

- Lưng, sống lưng, đùi đầu gối, gót chân, cẳng chân đau, kiến bò (fourmiement)
- Tóc rụng, khô héo, gãy.
- Tai kêu, tai điếc.
- Sợ lạnh, tay chân lạnh, tinh thần mệt mệ.
- Bất lực, hay đái đêm.
- Chân hàn giả nhiệt v.v.

## 6. Phân tích dược lý

Bản phương lấy căn bản là *Kim quĩ thận khí hoàn* ở phụ lục trên. Mà *Kim-quĩ thận khí hoàn* thì lại lấy căn bản ở Lục-vị địa hoàng hoàn. Tức là lấy bổ thận và bổ âm trước, rồi thêm một vài vị bổ dương vào thành ra bổ thận dương.

- *Thục-địa, Sơn dược, Sơn thù du, Cam kỹ tử* để bổ thận âm.
- *Nhục quế, Phụ tử* để bổ thận dương.
- *Cam thảo* để hòa các dược vị bổ ích trung tiêu.
- *Đỗ trọng* để cường tráng ích tinh. Khi mệnh môn hỏa suy, đến nổi hư hàn, đi đến xuất hiện giả nhiệt đều dùng được.

Bản phương đều thuộc loại *Ích hỏa chi nguyên* nghĩa là làm ích cho gốc của hỏa. Thận là tạng Thủy-Hỏa, thận dương hư thì sinh âm hàn nội thịnh, nên bụng đau, lưng đau, chi lạnh, nặng quá thì xuất hiện âm thịnh dương hư, thành chân hàn giả nhiệt. Bản phương ích hỏa nguyên, bổ thận dương, đối lại với *Tả qui ẩm* để bổ nguyên âm.

Sở dĩ có tên *tả, hữu* bởi theo Nạn-kinh, thì thận có hai quả, bên trái là thận âm, bên phải là thận dương. Thận âm gọi là nguyên âm, thận dương gọi là nguyên dương hay mệnh môn hỏa.

## 7. Hữu qui hoàn

Bản phương gần đây chế thành viên, gọi là:

### **Hữu quy hoàn**

*Thục địa hoàng 8 lạng.*

*Sơn dược 4 lạng.*

*Sơn thù du 3 lạng.*

*Cam kỹ tử 4 lạng.*

*Thổ ty tử 4 lạng.*

*Lộc giác 4 lạng.*

*Đỗ trọng 4 lạng.*

*Nhục quế 2-4 lạng.*

*Dương quy 2 lạng.*

*Chế phụ tử 2-6.*

Nghiên nhỏ, chế thành viên. Chủ trị : Nguyên dương hư hoặc *Tiên thiên khí hư* hoặc lao thương quá độ, mệnh môn hỏa suy, đưa đến tỳ, vị dương hư, ăn uống giảm thoái, hoặc ẩu thổ ác nghịch bụng trướng, sợ lạnh...Tóm lại đó là tất cả triệu chứng thận dương hư suy.

### **8. Tổng luận**

Hữu quy âm hay Hữu quy hoàn cũng đều dùng để bổ thận dương cả. Khi thấy các triệu chứng thận hư :

- Trí nhớ giảm,
- Đau ngang lưng,
- Đầu gối mỏi,
- Lại thấy sợ lạnh, chân tay lạnh,
- Sinh lực giảm, sinh lý biến đổi, yếu...

Đều dùng bản dược được cả. Phải ghi nhớ : *bản dược bổ thận dương*. Nếu thấy bất lực, do âm hư mà dùng thì tối nguy hiểm. Bởi âm hư thì hỏa vượng, mà dùng thuốc bổ dương thì như nhà cháy, thay vì dùng nước chữa cháy, lại dùng xăng chữa cháy vậy.

**Phụ-lục 7: Trị tỳ thận dương hư. Dbc-Cbk. Nữ huyết trắng, lãnh cảm, tử cung sa.**

## **Tứ quân tử thang**

### **1. Xuất xứ**

Trong sách *Hòa tể cục phương*.

### **2. Thành phần**

*Tứ quân tử thang,*  
*Nhân-sâm,*  
*Cam thảo,*  
*Phục linh,*  
*Bạch truật.*  
*Phân lượng bằng nhau.*

### **3. Dụng pháp**

Tán nhỏ, phân thành gói thành túi nhỏ, mỗi túi 10g. Mỗi ngày dùng một gói, cho vào 30ml-50ml đun sôi, để nhỏ lửa, khi còn 100ml-200ml thì chia làm hai. Sáng uống một nửa, chiều uống một nửa. Uống lúc đói.

### **4. Công dụng**

*Cam ôn bổ khí. Kiên tỳ dưỡng vị.*

### **5. Chủ trị**

- Tỳ vị khí hư,
- Vận hóa lực nhược,
- Ăn ít tiện lỏng,
- Sắc diện bạc nhược,
- Tiếng nói không lực,
- Chân tay không lực,
- Mạch tế khinh hoặc trầm hoãn.

## **6. Phân tích dược lý**

Phương thuốc này trị tỳ-vị hư nhược, trung khí bất túc. Trong phương thuốc này thì:

- *Nhân-sâm* tính ngọt, ấm có khả năng phù trợ tỳ, nuôi dưỡng vị, nghĩa là bổ trung tiêu, ích khí.
- *Bạch-thuật* tính vị đắng ấm, làm kiên tỳ khô thấp. Phù trợ cho việc vận hóa.
- *Phục-linh* tính ngọt, hợp với Bạch-thuật kiên tỳ khô thấp.
- *Cam thảo* để hòa các dược vật trên.
- Tổng hợp lại để kiên tỳ, dưỡng vị, dùng trị tỳ-vị hư nhược.

Cả bốn vị đều không có tính cách làm hại cơ thể vì vậy được mang tên bốn ông quân tử!

## **7. Lục vị quân tử thang**

Lấy căn bản là *Tứ quân tử thang* thêm *Bán-hạ*, *Trần-bì*, phân lượng bằng nhau, dùng trị tỳ-vị hư hàn nặng, đưa đến: Không thiết ăn uống, đầy ứ vùng bao tử, lồng ngực, hoặc bụng trướng, nôn mửa. Có thể thêm Can khương, khi người quá lạnh.

**Phụ lục 8: Trị tỳ vị hư, đau bao tử, ăn không tiêu. Nam Dbc-Cbk. Nữ huyết trắng, lãnh cảm.**

## ***Lý trung thang*** ***(Nhân sâm thang.)***

### ***1. Xuất xứ***

Trong sách *Thương-hàn luận* của Trương Trọng-Cảnh.

### ***2. Thành phần***

***Lý trung thang,***  
***Nhân sâm 10g.***  
***Can khương 5g.***  
***Cam thảo nướng 3,5g.***  
***Bạch truật 7g***

### ***3. Dụng pháp***

Mỗi ngày uống một thang.  
Uống liền mười ngày.

### ***4. Công dụng***

Ôn trung tiêu (tỳ vị), khứ hàn,  
Bổ khí, kiên tỳ.

### ***5. Chủ trị***

- Trung tiêu hư hàn, bụng đau, mửa, đưa đến Dbc-Cbk
- Dương hư, cơ thể dễ bị bầm tím ,
- Sau khi bệnh ngũ ly bì, đưa đến Dbc-Cbk

### ***6. Phân tích dược lý***

Can khương để làm nóng trung tiêu, khứ hàn. Bạch truật kiên tỳ vị, khô thấp. Nhân sâm bổ khí, ích tỳ. Cam thảo hòa dược vật. Hợp lại để trị tỳ vị hư nhược.

***Phụ lục 9: Trị tỳ vị hư, ợ chua, ăn không tiêu. Nam Dbc-Cbk. Nữ lãnh cảm, huyết trắng.***

## ***Thực tỳ tán***

### ***1. Xuất xứ***

Trong sách *Tế sinh phương*.

### ***2. Thành phần***

#### ***Thực tỳ tán***

*Hậu phác 1 lượng,  
Bạch thuật 1 lượng,  
Mộc qua 1 lượng,  
Mộc hương 1 lượng,  
Thảo quả nhân 1 lượng,  
Bạch phúc tử 1 lượng,  
Bạch phục linh 1 lượng,  
Can khương 1 lượng,  
Cam thảo 0,5 lượng.*

### ***3. Dụng pháp***

Tán thành bột, mỗi lần uống 12-15g, ngày hai lần, uống lúc nào cũng được. Khi uống dùng thuốc dẫn chế như sau :

*Gừng tươi (sinh khương) 1-2g,  
Đại táo (Táo tàu) 1 quả,*

Đun sôi với 1/4lít nước trong 15 phút. Uống nóng. Gắn đây dùng với hình thức thang thuốc, sắc lên uống.

### ***4. Chủ trị***

Âm thủy (phù thũng) nửa người dưới căng phù nặng, lồng ngực, bụng căng trướng, thân thể nặng nề, chân tay lạnh, miệng không khát, nhị tiện không thông.

### ***5. Công dụng***

Ôn dương, kiên tỳ, hành khí lợi thủy ( làm nóng dương, làm cho tỳ yếu hóa mạnh, làm cho khí lưu thông và chuyển nước ra ngoài cơ thể.)

## 6. Phân tích dược lý

Áp dụng lý thuyết ngũ hành :

- *Bạch-thuật, Can-khuong, Cam-thảo, Đại-táo* để bổ tỳ. Tỳ thuộc thổ, thổ mạnh thì khắc chế thủy.

- *Can-khuong, Phụ-tử, Thảo quả* để làm nóng trung tiêu, trừ hàn để giúp dương trừ âm thủy.

- *Đại-phúc tử, Phục-linh, Hậu-phác, Mộc-hương, Mộc-qua* để hành khí, để khí cơ thể hóa thấp được, dùng để ôn dương, kiên tỳ hành khí.

Bản dược lấy ôn dương, kiên tỳ làm chủ, tỳ mạnh thì thủy trị, làm tỳ mạnh gọi là *Thực tỳ* cho nên có tên *Thực tỳ tán* .

Thủy thũng thường do 2 loại âm-thủy và dương-thủy. Dương-thủy thuộc biểu, thuộc nhiệt, thuộc hàn, có thể dùng phương pháp phát-hãn, lợi thủy. Âm-thủy thuộc lý, thuộc hàn, thuộc hư, đa số cần phải làm nóng, cần phải bổ. Thực-tỳ-tán là loại ôn dương, kiên tỳ, chủ yếu trị bệnh âm thủy. Cho nên khi trị bệnh thủy thũng, âm thịnh, thì trong đó phải dùng *Ôn dương, hành khí* thực mạnh, tức hành khí hay phù chính mạnh. Nghĩa là hư chứng thì bổ mạnh, tả nhẹ.

## 7. Tổng kết

Phù thũng có rất nhiều loại, nhưng thường chia làm âm-thủy, dương-thủy. Dương-thủy không thể dùng bản dược, bởi nó thuộc biểu chứng, tà khí mạnh, dùng thì bổ hư mạnh quá, sẽ đưa đến bổ ngoại tà.

Còn gốc do Âm-thủy tức thuộc lý, thuộc hư, thuộc hàn, thì dùng được. Thận dương hư, tỳ dương hư, can dương hư thường ảnh hưởng lẫn nhau...Bổ dương thì cần lấy bổ hậu thiên làm chủ. Tỳ là gốc của hậu thiên, chủ vận hóa nước. Khi bổ tỳ thực mạnh, tỳ dương vận hóa nước mạnh, làm cho ăn uống khỏe, các dương khí thuộc Tâm, Thận, Can v.v...tự sinh. Cho nên thang thuốc trên lấy bổ làm chính, tả làm phụ là thế.

Chữa phù thũng cho phụ nữ rất khó khăn. Bởi khi mới bị, bệnh nhân thường cho rằng bị mập, nên kiêng ăn. Kiêng cử thì tỳ dương hư, gốc hậu thiên hư đưa đến các cơ phận khác hư, người càng đầy ứ nước. Bệnh nhân càng cố công nhịn ăn, nước càng ứ đọng trong người...cứ thế họ nhịn ăn, người phù lên, mà không biết. Khi đến y sĩ, giảng giải cho họ thực kỹ, rồi cho uống thuốc để bổ dương, hành thủy. Phản ứng mấy ngày đầu đưa đến họ rất đói, nhưng không chịu ăn uống. Vì vậy bản dược không hiệu nghiệm. Khi thấy không hiệu nghiệm họ bỏ không trị. Thường thì bệnh nhân chịu nghe y sĩ, khi uống thuốc sẽ thấy ăn nhiều, tiểu rất nhiều, người xẹp đi, hồng hào khỏe mạnh, trọng lượng rút xuống mau lẹ...

*Chữa phù thũng cho phụ nữ, thường phải có sự tin tưởng, thuyết phục, để bệnh nhân nghe y sĩ. Muốn thế, cần học phương pháp làm gầy bằng Electrolyse, lấy đó thuyết phục bệnh nhân : Cứ ăn cho thật khỏe, nếu mập lên sẽ làm gầy trả. Sự thực không bao giờ có hiện tượng trị Âm-thủy mà mập lên cả...(Chữa mập cho đến đại hội quốc tế tháng 6-1980 tại La-mã đều nói rằng : Không có phương pháp nào để trị mập mà không phải nhịn ăn, không có cách nào trị mập Cellulite cả, nhưng thực ra chúng tôi thí nghiệm từ năm 1976 đã thành công, mới công bố sau này...).*



*Một phương pháp nằm ngủ trong thuật Thái-âm Bổ-dương.  
Hình của Vi-Vi Võ Hùng Kiệt.*

**Phụ lục 10: Trị tỳ vị hư, ăn không tiêu, người gầy yếu. Nữ lãnh cảm, tử cung sa. Nam Dbc-Cbk, Dmt.**

## ***Bổ trung ích khí thang***

### ***1. Xuất xứ***

Trong sách *Tỳ-vị luận*.

### ***2. Thành phần***

#### ***Bổ trung ích khí thang***

*Hoàng-thị 3g;*

*Cam-thảo nướng 1,5g;*

*Nhân-sâm 1,5g;*

*Đương-quy 5g;*

*Quất-bì 1,5g;*

*Thăng-ma 1,5g;*

*Sài-hồ 1,5g;*

*Bạch-truật 1,5g.*

Hiện trên thị trường Hoa-kỳ, Canada, Úc, có bán *Bổ-trung ích khí hoàn*.

### ***3. Dụng-pháp***

Mỗi ngày uống một thang. Uống liền 10-15 thang.

### ***4. Công-dụng***

Rất rộng: Điều hòa, bổ tỳ vị. Thăng dương ích khí.

### ***5. Chủ trị***

- Khí hư phát nhiệt,
- Thân nhiệt phát mồ hôi,
- Khát, thích uống nóng,
- Nhức đầu, ác hàn.
- Người vô lực.
- Khí hư hạ hãm: Trĩ, tử cung sa, kiết lỵ,

**6. Phân tích dược lý**

Trong 8 vị, đều thuộc dương tính, bổ dương, kích thích công năng tỳ vị. Đây là phương thuốc cổ, nhưng hiện rất đa dụng:

- Trẻ con ăn ít, gầy còm,
- Sau khi giải phẫu, làm vết thương mau lành.
- Trong thời kỳ dưỡng bệnh.
- Dùng bồi dưỡng khi trị ung thư bằng hóa trị.
- Ăn ít.
- Tử cung bị sa, bao tử bị sa.
- Trĩ.
- Tất cả các bệnh nội xuất huyết.
- Không có cấm kỵ.

**Phụ lục 11: Trị tỳ vị hư, đưa đến phù thũng. Nam Dbc-Cbk, Dmt. Nữ huyết trắng, lãnh cảm.**

## **Trấn võ thang**

### **1. Xuất xứ**

Trong sách *Thương hàn luận*, còn gọi là *Huyền võ thang*.

### **2. Thành phần**

#### **Trấn võ thang**

*Phục-linh 3 lượng.*

*Thược dược 3 lượng.*

*Sinh khương 3 lượng.*

*Bạch truật 2 lượng.*

*Phụ-tử 1.5 lượng. (Có thể 3 lượng nếu bệnh nặng)*

### **3. Dụng pháp**

Sắc với khoảng 4 lít nước, sau khi sôi để lửa thật nhỏ, cho đến khi còn 1 lít thì gạn lấy nước. Chia làm 4 lần, mỗi lần lấy 1/4lít. Đun ấm lên uống.

### **4. Công dụng**

*Ôn thận tán hàn (Làm nóng thận, làm tan hàn).*

*Kiên tỳ lợi thủy (Làm tỳ mạnh lên, đưa nước ra ngoài).*

### **5. Chủ trị**

Trị tỳ dương hư, thủy thấp nội đình, đưa đến tiểu tiện bất lợi, tứ chi nặng nề, đau đốn, ác hàn bụng chướng và đau. Về phương diện thận dương hư, bản dược trị chân tay lạnh, người lạnh, *dương không cử (Cúi đầu e thẹn)* phụ nữ tử cung lạnh không thụ thai, thống kinh.

Tóm lại bản dược trị thận dương hư, đưa đến tiêu chảy, thủy thấp đình, sinh ra bụng nước, tứ chi nặng nề, nhất là sinh ra phong thấp...và các chứng bất lực.

## 6. Phân tích dược lý

- *Phụ-tử* đại bổ dương khí, để trừ hàn, bổ tỳ-vị-dương, làm dược vị chính. Tùy theo bệnh nặng nhẹ mà cho nhiều hay ít.
- *Bạch-truật* để làm khô thấp, mục đích trừ thấp trong cơ thể.
- *Phục-linh* để bổ tỳ vị, hợp với *Bạch-truật* vừa khô thấp cho tỳ dương chuyển động được vừa bổ tỳ, làm cho tỳ dương mạnh.
- *Sinh khương* vừa làm nóng trung tiêu vừa có tính chất giải biểu.
- *Thược dược* bổ khí hành khí.

Hợp lại là một dược thang để trị tỳ-thận dương hư, nhưng tỳ-vị dương hư nhiều hơn, làm cho nước đọng lại trong người sinh thủy thũng.

## 7. Tổng kết

- Bản dược vừa để trị tỳ thận dương hư đưa đến thủy thấp đình lưu hoặc nặng hơn đưa đến thủy thũng, vừa để trị các chứng bất lực do cả tỳ thận dương hư đưa đến.
  - Thận dương hư : *Dương vật không cử, cử mà không kiên* hoặc lâu ngày dương vật mới cử, cử khó khăn.
  - Tỳ vị dương hư ăn vào đầy ứ, tiêu chảy.
  - Cả hai tỳ dương và thận dương, cứ một hư đưa đến cả hai hư, bệnh trở thành nặng.
- Vậy đây là thang trị chứng bất lực nặng, do ăn ít (tỳ vị hư ) thận hư mà thành.